

CÔNG TY
CỔ PHẦN
DU LỊCH
ĐẮK LẮK

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK
DN: C=VN, S=ĐẮK LẮK, L=Buôn
Ma Thuột, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:6000177738
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2025.03.31 14:04:09+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



Tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 từ trang 07 đến trang 37.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Du lịch Đắk Lắk theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 21/02/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 6000177738 ngày 31/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19 tháng 12 năm 2024, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Công ty có trụ sở và chi nhánh như sau:

- Trụ sở chính: Số 03 Phan Chu Trinh, phường Tân Tiến (Thống Nhất cũ), thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Đơn vị trực thuộc: Công ty có 05 đơn vị hạch toán phụ thuộc:
 - Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê: Số 01 - 03 Phan Chu Trinh, phường Tân Tiến (Thống Nhất cũ), thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
 - Khách sạn Cao Nguyên: Số 65 Phan Chu Trinh, phường Thành Công (Thắng Lợi cũ), thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
 - Khách sạn Thành Công: Số 51 Lý Thường Kiệt, phường Tân Tiến (Thống Nhất cũ), thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
 - Du lịch Hồ Lắk: Số 30 Âu Cơ, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk;
 - Nhà hàng Thắng Lợi - Công viên nước: Số 11 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 19/01/2011, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 32/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là DLD. Ngày giao dịch chính thức là ngày 08/04/2011.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí, công viên nước;
- Hướng dẫn, kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Mua bán hàng hóa công nghệ thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, bánh kẹo, hàng hóa mỹ nghệ), cà phê, nông sản, hàng hải sản đông lạnh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Đức Hùng
Ông Nguyễn Anh Tuấn
Ông Nguyễn Hữu Phúc
Ông Phạm Thành Đô
Ông Nguyễn Kim Châu
Bà Nguyễn Thị Sáu

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thư ký HĐQT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quốc Tuệ
Bà Nguyễn Thanh Hằng
Bà Hoàng Văn Thùy

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Ngọc Luân
Ông Trần Thái Hưng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 10/04/2024
Bổ nhiệm 21/2/2023
Ủy quyền Điều hành từ ngày
04/01/2024 đến ngày 09/04/2024
và bãi nhiệm từ ngày 18/7/2024

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Sáu.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Lê Ngọc Luân - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 68/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Ngọc Luân

Tổng Giám đốc

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Số: 435/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2025, trình bày từ trang 07 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 31.2 “Thông tin hoạt động liên tục” - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 87,955 tỷ đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 95,041 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2025, Công ty phải thanh toán 32,504 tỷ đồng cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang có các biện pháp cơ cấu nợ để Công ty có thể tiếp tục hoạt động trong tương lai gần, trong đó có kế hoạch tăng vốn để bù đắp các khoản nợ phải trả và bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Công ty TNHH Một thành viên (Tổng Công ty) cũng đã có Công văn số 104/CV-HĐTV ngày 21/10/2024 gửi UBND Thành phố Hồ Chí Minh xin ý kiến thực hiện tăng vốn tại Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak. Bên cạnh đó, trong đề án cơ cấu lại của Tổng Công ty, Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak được đưa vào nhóm tăng giá trị vốn góp để giữ nguyên tỷ lệ nắm giữ của Tổng Công ty khi Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak tăng vốn. Ngày 05/02/2025, Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak đã hoàn thành báo cáo về phương án tăng vốn và gửi đến Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc tăng vốn sẽ bù đắp nguồn lực tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như đầu tư cơ sở hạ tầng tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4710-2023-112-1

Mẫu B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.005.187.335	3.604.661.243
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	932.013.470	421.031.651
Tiền	111		932.013.470	421.031.651
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.229.113.306	2.062.091.767
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.331.224.329	1.194.446.039
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		99.544.240	215.849.840
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	813.424.737	666.875.888
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(15.080.000)	(15.080.000)
Hàng tồn kho	140	10	733.166.338	871.937.878
Hàng tồn kho	141		733.166.338	871.937.878
Tài sản ngắn hạn khác	150		110.894.221	249.599.947
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	110.894.221	249.599.947
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		112.389.129.519	115.888.626.285
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	20.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	100.000.000	20.000.000
Tài sản cố định	220		111.464.056.883	115.100.176.568
Tài sản cố định hữu hình	221	12	111.445.356.870	115.059.894.435
- Nguyên giá	222		237.289.534.511	238.625.415.498
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.844.177.641)	(123.565.521.063)
Tài sản cố định vô hình	227	11	18.700.013	40.282.133
- Nguyên giá	228		288.923.000	288.923.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(270.222.987)	(248.640.867)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		183.510.000	183.510.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	7	183.510.000	183.510.000
Tài sản dài hạn khác	260		641.562.636	584.939.717
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	641.562.636	584.939.717
TỔNG TÀI SẢN	270		116.394.316.854	119.493.287.528

Mẫu B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		109.749.256.910	102.386.359.167
Nợ ngắn hạn	310		99.046.973.733	67.712.575.990
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.137.269.136	3.915.306.722
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	677.524.200	680.904.200
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.445.593.966	4.658.104.967
Phải trả người lao động	314		2.176.896.527	1.930.769.791
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	1.731.481.481	4.578.944.438
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	21.038.973.787	15.830.308.307
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	61.903.596.740	36.182.599.669
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(64.362.104)	(64.362.104)
Nợ dài hạn	330		10.702.283.177	34.673.783.177
Phải trả dài hạn khác	337	18	303.405.000	274.905.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	10.398.878.177	34.398.878.177
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.645.059.944	17.106.928.361
Vốn chủ sở hữu	410	19	6.645.059.944	17.106.928.361
Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.074.150.000	93.074.150.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		93.074.150.000	93.074.150.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.526.847.724	1.526.847.724
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(87.955.937.780)	(77.494.069.363)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(77.494.069.363)	(69.017.382.848)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		116.394.316.854	119.493.287.528

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập

Võ Thị Phương Khánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Sáu

Tổng Giám đốc



Ngọc Luân

Mẫu B02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	46.168.815.771	44.379.518.832
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		46.168.815.771	44.379.518.832
Giá vốn hàng bán	11	21	38.984.956.129	37.527.705.845
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		7.183.859.642	6.851.812.987
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	226.899.178	321.689.641
Chi phí tài chính	22	23	7.724.835.864	8.478.872.984
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.724.835.864	8.478.872.984
Chi phí bán hàng	25	24	603.443.951	559.956.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	8.396.339.545	8.375.437.542
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.313.860.540)	(10.240.764.389)
Thu nhập khác	31	25	1.905.417	2.136.512.030
Chi phí khác	32	26	1.149.913.294	372.434.156
Lợi nhuận khác	40		(1.148.007.877)	1.764.077.874
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(1.124)	(911)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	(562)	(911)

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Người lập

Võ Thị Phương Khánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Sáu

Tổng Giám đốc



Lê Ngọc Luân

Mẫu B03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.109.294.685	5.125.458.253
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.777.522)	(1.716.473)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(222.000.936)	(414.366.154)
Chi phí lãi vay	06		7.724.835.864	8.478.872.984
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.146.483.674	4.711.562.095
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(247.021.539)	1.087.984.263
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		138.771.540	(49.840.812)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(146.283.753)	4.145.617.855
Giảm chi phí trả trước	12		82.082.807	62.274.251
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.929.922.631)	(8.812.448.994)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.951.286)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41.158.812	1.155.148.658
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.473.175.000)	(79.620.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		222.000.936	319.973.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.251.174.064)	240.353.168

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		4.328.924.000	8.470.727.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.607.926.929)	(10.114.098.204)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.720.997.071	(1.643.371.204)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		510.981.819	(247.869.378)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	421.031.651	667.184.556
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	1.716.473
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	932.013.470	421.031.651

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 3 năm 2025

38 Công Giám đốc

Kế toán tru

~~Nguyễn Thị Sáu~~



Ngọc Luân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lak được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Du lịch Đắk Lắk theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 21/02/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 6000177738 ngày 31/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19 tháng 12 năm 2024, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Công ty có trụ sở và chi nhánh như sau:

- Trụ sở chính: Số 03 Phan Chu Trinh, Phường Tân Tiến (Thống Nhất cũ), Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk;
- Đơn vị trực thuộc: Công ty có 05 đơn vị hạch toán phụ thuộc:
 - Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê: Số 01 - 03 Phan Chu Trinh, Phường Tân Tiến (Thống Nhất cũ), Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk;
 - Khách sạn Cao Nguyên: Số 65 Phan Chu Trinh, Phường Thành Công (Thắng Lợi cũ), Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk;
 - Khách sạn Thành Công: Số 51 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Tiến (Thống Nhất cũ), Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk;
 - Du lịch Hồ Lắk: Số 30 Âu Cơ, Thị trấn Liên Sơn, Huyện Lắk, Tỉnh Đắk Lắk;
 - Nhà hàng Thắng Lợi – Công viên nước: Số 11 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần thứ 13 là 93.074.150.000 đồng, được chia thành 9.307.415 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 19/01/2011, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 32/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lak trên thị trường UpCoM với mã chứng khoán là DLD. Ngày giao dịch chính thức là ngày 08/04/2011.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2024 là 174 người (tại 01/01/2024 là 176 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại - dịch vụ.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí, công viên nước;
- Hướng dẫn, kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Mua bán hàng hóa công nghệ thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, bánh kẹo, hàng hóa mỹ nghệ), cà phê, nông sản, hàng hải sản đông lạnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh dịch vụ lưu trú khách sạn; dịch vụ nhà hàng, ăn uống. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là các dịch vụ khách sạn lưu trú, nhà hàng ăn uống, tổ chức tour du lịch,... Công ty có rất nhiều đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, du lịch trên cùng địa bàn. Theo đó, giá thị trường của các dịch vụ này biến động sẽ ảnh hưởng đến doanh thu cũng như là số lượng khách hàng, ngoài ra các chính sách chương trình khuyến mãi về giá, chính sách giá và việc thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp của Công ty sẽ ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), và Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Vườn cây lâu năm	10
Tài sản cố định vô hình khác	05
Phần mềm quản lý	05

4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ và các chi phí khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... sẽ được hạch toán vào chi phí tài chính.

4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế của hoạt động thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là các dịch vụ khách sạn lưu trú, nhà hàng ăn uống, tổ chức tour du lịch,... tại tỉnh Đắk Lắk. Lĩnh vực kinh doanh và địa điểm kinh doanh không phức tạp, do đó Công ty không trình bày các thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực và lĩnh vực kinh doanh.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty được trình bày chi tiết tại các thuyết minh bên dưới.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	494.746.955	86.589.419
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	411.633.962	330.547.232
Tiền đang chuyển	25.632.553	3.895.000
Cộng	932.013.470	421.031.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	110.894.221	249.599.947
- Công cụ, dụng cụ	72.131.523	67.031.563
- Chi phí sửa chữa, kiểm định, bảo trì	38.762.698	167.880.884
- Các khoản khác	-	14.687.500
Dài hạn	641.562.636	584.939.717
- Công cụ, dụng cụ	594.608.231	440.951.275
- Chi phí sửa chữa, bảo trì	46.954.405	143.988.442
Cộng	752.456.857	834.539.664

7. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự	Giá trị	Giá gốc	Dự	Giá trị
	VND	phòng	hợp lý	VND	phòng	hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần	183.510.000	-	183.510.000	183.510.000	-	183.510.000
Thương mại						
Sabeco Tây						
Nguyên						
Cộng	183.510.000	-	183.510.000	183.510.000	-	183.510.000

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên với số tiền 183.510.000 đồng (tương ứng với 18.351 cổ phiếu, mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu), với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 0,46% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch. Trong năm, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ lợi nhuận năm 2023 số tiền 318.885.327 đồng.

Căn cứ theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên đã được kiểm toán, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên trong năm 2024 có lãi, vì vậy, vốn đầu tư được bảo toàn.

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.331.224.329	(15.080.000)	1.194.446.039	(15.080.000)
- Công ty TNHH MTV Thuộc lá Sài Gòn	-	-	48.280.000	-
- Văn phòng thành uỷ Hồ Chí Minh	103.904.000	-	-	-
- Công nợ, bán buôn hàng hoá Công ty	11.804.000	-	11.804.000	-
- Công ty Phát Thanh Giang	-	-	28.130.000	-
- Các khách hàng khác	1.215.516.329	(15.080.000)	1.106.232.039	(15.080.000)
Cộng	1.331.224.329	(15.080.000)	1.194.446.039	(15.080.000)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết tại Thuyết minh số 31

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	813.424.737	-	666.875.888	-
- Tạm ứng cho nhân viên	692.881.201	-	527.601.352	-
- Ký cược, ký quỹ	3.700.000	-	3.700.000	-
- Phải thu khác	116.843.536	-	135.574.536	-
+ Bà Nguyễn Thị Phường	60.916.000	-	88.876.000	-
+ Bà Bùi Thị Hải	26.767.736	-	26.767.736	-
+ Phải thu khác	29.159.800	-	19.930.800	-
b) Dài hạn	100.000.000	-	20.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	913.424.737	-	686.875.888	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	444.492.228	-	525.674.702	-
- Công cụ, dụng cụ	113.702.353	-	129.302.353	-
- Hàng hóa	174.971.757	-	216.960.823	-
Cộng	733.166.338	-	871.937.878	-

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND		TSCĐ vô hình khác VND		Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	237.644.000		51.279.000		288.923.000
31/12/2024	237.644.000		51.279.000		288.923.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
01/01/2024	(197.361.867)		(51.279.000)		(248.640.867)
- Khấu hao trong năm	(21.582.120)		-		(21.582.120)
31/12/2024	(218.943.987)		(51.279.000)		(270.222.987)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	40.282.133		-		40.282.133
31/12/2024	18.700.013		-		18.700.013

Tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 83.279.000 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 83.279.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị vận tải, truyền dẫn	Cây lâu năm súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2024	187.958.241.204	49.215.148.028	1.251.835.214	238.625.415.498
- Mua trong năm	1.473.175.000	-	-	1.473.175.000
- Thanh lý, nhượng bán	(1.993.198.796)	(815.857.191)	-	(2.809.055.987)
31/12/2024	189.431.416.204	48.399.290.837	1.251.835.214	237.289.534.511
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2024	(73.083.131.575)	(49.030.363.222)	(1.251.835.214)	(123.565.521.063)
- Khấu hao trong năm	(5.017.079.167)	(70.633.398)	-	(5.087.712.565)
- Thanh lý, nhượng bán	1.993.198.796	815.857.191	-	2.809.055.987
31/12/2024	(76.107.011.946)	(48.285.139.429)	(1.251.835.214)	(125.844.177.641)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2024	114.875.109.629	184.784.806	-	115.059.894.435
31/12/2024	113.324.404.258	114.151.408	-	111.445.356.870

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 58.587.554.543 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 59.363.404.543 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 111.445.356.870 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 115.059.894.435 đồng).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	9.137.269.136	9.137.269.136	3.915.306.722	3.915.306.722
- Bà Cao Thị Thanh Hương	246.319.149	246.319.149	314.851.000	314.851.000
- Bà Trần Thị Trúc	479.377.631	479.377.631	251.622.810	251.622.810
- bà Nguyễn Thị Yén	665.448.000	665.448.000	214.690.000	214.690.000
- Công ty Cổ phần Thực phẩm sạch Núi Xanh	946.229.342	946.229.342	730.736.405	730.736.405
- Bà Hoàng Thị Hiền	389.495.550	389.495.550	377.973.050	377.973.050
- Đối tượng khác	6.410.399.464	6.410.399.464	2.025.433.457	2.025.433.457
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	9.137.269.136	9.137.269.136	3.915.306.722	3.915.306.722

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết tại Thuyết minh số 31

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn	677.524.200	677.524.200	680.904.200	680.904.200
- Người mua trả tiền trước không là bên liên quan	677.524.200	677.524.200	680.904.200	680.904.200
+ Bà Nguyễn Thanh Hằng	424.550.000	424.550.000	505.750.000	505.750.000
+ Các đối tượng khác	252.974.200	252.974.200	175.154.200	175.154.200
b) Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	677.524.200	677.524.200	680.904.200	680.904.200

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	670.066.133	2.329.984.514	4.906.174.229	3.246.255.848
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.951.286	2.951.286	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	24.178.779	24.178.779	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.772.287.833	2.662.859.317	2.300.830.561	1.410.259.077
- Các loại thuế khác	3.240.000	150.262.470	148.612.512	1.590.042
Cộng	2.445.593.966	5.170.236.366	7.382.747.367	4.658.104.967

(*) Thuế Giá trị gia tăng đã khấu trừ trong năm 2024 là 1.543.447.606 đồng.

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	61.903.596.740	61.903.596.740	28.328.924.000	2.607.926.929	36.182.599.669	36.182.599.669
Vay ngắn hạn không là bên liên	4.404.604.048	4.404.604.048	-	-	4.404.604.048	4.404.604.048
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (1)	4.404.604.048	4.404.604.048	-	-	4.404.604.048	4.404.604.048
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	32.638.414.692	32.638.414.692	24.000.000.000	1.157.926.929	9.796.341.621	9.796.341.621
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	31.222.656.200	31.222.656.200	24.000.000.000	1.022.926.929	8.245.583.129	8.245.583.129
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (3)	1.415.758.492	1.415.758.492	-	-	1.550.758.492	1.550.758.492
Vay ngắn hạn là bên liên quan	24.860.578.000	24.860.578.000	4.328.924.000	1.450.000.000	21.981.654.000	21.981.654.000
- Bà Đỗ Văn Anh (4)	13.407.501.000	13.407.501.000	1.283.124.000	-	12.124.377.000	12.124.377.000
- Bà Phạm Thanh Hoa (4)	8.853.077.000	8.853.077.000	995.800.000	-	7.857.277.000	7.857.277.000
- Bà Hoàng Văn Thùy (4)	2.600.000.000	2.600.000.000	1.700.000.000	1.100.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ông Lê Ngọc Luân (4)	-	-	200.000.000	200.000.000	-	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	-	-	150.000.000	150.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	10.398.878.177	10.398.878.177	-	24.000.000.000	34.398.878.177	34.398.878.177
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	10.398.878.177	10.398.878.177	-	24.000.000.000	34.398.878.177	34.398.878.177
Cộng	72.302.474.917	72.302.474.917	28.328.924.000	26.607.926.929	70.581.477.846	70.581.477.846

(1) Hợp đồng tín dụng số 26613/19MN/HĐTD ký với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có hạn mức 5 tỷ đồng, thời gian 12 tháng với mức lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân theo công bố lãi suất của Ngân hàng. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp: Công trình xây dựng trên đất và tài sản gắn liền với khu đất của khách sạn Thành Công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Khoản vay với ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 68/09/NH/SGBM/NHNT ngày 12/10/2009, Phụ lục Hợp đồng số 020715/SGBM/PLHĐ ngày 02/07/2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ký ngày 29/04/2020. Theo đó, nội dung khoản vay như sau:

- Hạn mức cho vay 90 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án Khách sạn Sài Gòn Ban Mê;
- Thời gian vay 239 tháng;
- Mức lãi suất 10%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk;
- Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - Quyền sử dụng đất thuê tại Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (thuộc quyền sử dụng của công ty) và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 68/09/NH/SGBM/HĐTC.1 ngày 12/10/2009;
 - Quyền sử dụng đất thuê tại Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (thuộc quyền sử dụng của công ty) và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 68/09/NH/SGBM/HĐTC.2 ngày 12/10/2009.

Ngày 26/12/2024 Tòa án ND TP Buôn Ma Thuột Tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2024/QĐST-KDTM căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 42/2024/TLST-KDTM ngày 02 tháng 07 năm 2024 để đưa ra quyết định: Công ty CP Du lịch Đắk Lắk phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tổng số tiền 50.125.959.175 đồng (tính đến 12/12/2024), gồm: dư nợ gốc 41.621.534.377 đồng, dư nợ lãi 8.281.763.036 đồng, lãi phạt 222.661.762 đồng, và nợ lãi phát sinh từ 13/12/2024 theo lãi suất thỏa thuận;

(3) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0212/2014/HĐTTDH-DN ngày 28/04/2014 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0212/2014/HĐTTDH-DN/HUNN 05 ngày 13/07/2015, cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay 16 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bù đắp chi phí xây dựng dự án khách sạn Sài Gòn Ban Mê và/hoặc được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ;
- Thời gian vay 84 tháng;
- Lãi suất 8,05%/năm tại thời điểm ký hợp đồng và thay đổi 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tài sản đảm bảo gồm: Tài sản gắn liền với đất thuê tại Phường Thắng Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 925390 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/03/2014.

(4) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân Đỗ Văn Anh, Phạm Thanh Hoa, Hoàng Văn Thùy nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất từ 8,9% đến 12,5%/năm.

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.731.481.481	4.578.944.438
- Doanh thu nhận trước từ việc bán Voucher	1.731.481.481	4.578.944.438
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.731.481.481	4.578.944.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	21.038.973.787	15.830.308.307
- Phải trả khác là bên liên quan	2.571.992.010	3.016.103.121
+ Tổng Công ty Du lịch Bến Thành - Phụ cấp HĐQT	77.413.308	77.413.308
+ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	1.267.857.889	1.711.969.000
+ Phụ cấp HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát - Đối tượng khác	1.226.720.813	1.226.720.813
- Phải trả khác không là bên liên quan	18.466.981.777	12.814.205.186
+ Kinh phí công đoàn	261.069.265	185.863.485
+ Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	983.731.322	878.466.901
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.222.181.190	11.749.874.800
Tiền lãi vay phải trả	13.198.625.856	11.197.472.431
Phải trả các đối tượng khác	4.023.555.334	552.402.369
b) Dài hạn	303.405.000	274.905.000
- Nhận ký quỹ, ký cược là bên liên quan	66.000.000	66.000.000
+ Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	66.000.000	66.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược không là bên liên quan	237.405.000	208.905.000
+ Ông Tô Đức Duy	60.000.000	60.000.000
+ Ông Đỗ Xuân Nam	60.000.000	60.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Phúc	30.000.000	30.000.000
+ Các đối tượng khác	87.405.000	58.905.000
Cộng	21.342.378.787	16.105.213.307

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	47.294.010.000	50,8%	47.294.010.000	50,8%
- Công ty TNHH Quốc tế DP	8.420.000.000	9,0%	8.420.000.000	9,0%
- Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	8.000.000.000	8,6%	8.000.000.000	8,6%
- Vốn góp của các cổ đông khác	29.360.140.000	31,5%	29.360.140.000	31,5%
Cộng	93.074.150.000	100%	93.074.150.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	93.074.150.000	1.526.847.724	(69.017.382.848)	25.583.614.876
- Lỗi trong năm trước	-	-	(8.476.686.515)	(8.476.686.515)
31/12/2023	93.074.150.000	1.526.847.724	(77.494.069.363)	17.106.928.361
01/01/2023	93.074.150.000	1.526.847.724	(77.494.069.363)	17.106.928.361
- Lỗi trong năm nay	-	-	(10.461.868.417)	(10.461.868.417)
31/12/2023	93.074.150.000	1.526.847.724	(87.955.937.780)	6.645.059.944

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	93.074.150.000	93.074.150.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	93.074.150.000	93.074.150.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

a. CỔ PHIẾU

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.307.415	9.307.415
Số cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu thường	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu thường	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.800.407.933	2.068.042.058
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.368.407.838	42.311.476.774
- Tham quan, hướng dẫn du lịch	4.796.671.765	3.211.125.836
- Phòng ngủ	14.830.919.347	16.015.897.340
- Hàng ăn, giải khát	18.722.099.281	17.471.607.902
- Phí phục vụ	930.555.573	976.030.114
- Doanh thu dịch vụ khác	5.088.161.872	4.636.815.582
Cộng	46.168.815.771	44.379.518.832

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết tại Thuyết minh số 31

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm	1.132.050.063	1.342.931.429
Giá vốn dịch vụ	37.852.906.066	36.184.774.416
- Giá vốn tham quan, hướng dẫn du lịch	2.970.768.045	2.190.248.520
- Giá vốn dịch vụ phòng	12.953.667.875	12.708.843.600
- Giá vốn dịch vụ hàng ăn	20.352.691.474	19.670.906.654
- Giá vốn dịch vụ khác	1.575.778.672	1.614.775.642
Cộng	38.984.956.129	37.527.705.845

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	742.929	1.087.841
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	3.777.522	1.716.473
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	221.258.007	318.885.327
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.120.720	-
Cộng	226.899.178	321.689.641

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	7.724.835.864	8.478.872.984
Cộng	7.724.835.864	8.478.872.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng	603.443.951	559.956.491
- Chi phí nhân viên	532.827.935	517.787.023
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.132.457	7.511.212
- Chi phí bằng tiền khác	8.483.559	34.658.256
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	8.396.339.545	8.375.437.542
- Chi phí nhân viên quản lý	4.098.837.403	3.940.039.719
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	58.408.424	39.023.124
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	118.669.248	119.913.517
- Thuế, phí và lệ phí	2.642.185.596	1.727.714.540
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.907.525	262.653.876
- Chi phí bằng tiền khác	1.206.331.349	2.286.092.766
Cộng	8.999.783.496	8.935.394.033

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thanh lý TSCĐ	-	94.392.986
- Thu từ bồi thường	-	36.054.499
- Giảm chi phí lãi vay	-	2.000.000.000
- Giảm chi phí lãi vay theo Kiểm toán Nhà nước	-	-
- Thu nhập khác	1.905.417	6.064.545
Cộng	1.905.417	2.136.512.030

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Phạt chậm nộp bảo hiểm, thuế	640.331.769	196.289.299
- Xử lý công nợ	-	2.938.530
- Chi phí tiền thuê đất	368.926.757	-
- Phạt vi phạm hợp đồng	26.809.270	23.369.065
- Các khoản chi phí khác	113.845.498	149.837.262
Cộng	1.149.913.294	372.434.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.555.766.580	8.045.384.328
- Thù lao HĐQT và BKS không chuyển trách	247.200.000	241.920.000
- Phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	640.331.769	196.289.299
- Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	6.668.234.811	7.469.041.441
- Các khoản chi phí không hợp lệ khác	-	138.133.588
Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN	223.319.056	318.363.788
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền năm nay	3.777.522	1.716.473
- Hoàn lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền năm trước	(1.716.473)	(2.238.012)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	221.258.007	318.885.327
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(3.129.420.893)	(749.665.975)
Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	(3.129.420.893)	(749.665.975)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh	Số lỗ phát sinh	Thời gian chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển trong năm trước	Số lỗ đã chuyển trong năm nay	Số lỗ còn được chuyển trong năm sau
Năm 2019	-	Năm 2020 đến 2024	-	-	-
Năm 2020	(7.281.595.541)	Năm 2021 đến 2025	-	-	(7.281.595.541)
Năm 2021	(9.506.493.800)	Năm 2022 đến 2026	-	-	(16.788.089.341)
Năm 2022	(2.492.001.546)	Năm 2023 đến 2027	-	-	(19.280.090.887)
Năm 2023	(749.620.975)	Năm 2024 đến 2028	-	-	(20.029.711.862)
Năm 2024	(3.129.420.893)	Năm 2025 đến 2029	-	-	(23.159.132.755)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP)

Chi phí lãi vay phát sinh không được trừ theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020:

Theo quy định, Công ty được kết chuyển chi phí lãi vay không được trừ trong 05 năm. Cụ thể như sau:

Năm phát sinh	Chi phí lãi vay bị loại theo NĐ132	Thời gian kết chuyển	Điều chỉnh giảm do được giảm lãi vay	Chi phí lãi vay kết chuyển năm	Chi phí lãi vay còn kết chuyển năm sau
Năm 2020	5.640.948.238	Năm 2021 đến 2025	-	-	5.640.948.238
Năm 2021	6.167.255.564	Năm 2022 đến 2026	(1.011.770.643)	-	10.796.433.159
Năm 2022	6.040.832.599	Năm 2023 đến 2027	(2.000.000.000)	-	9.681.780.837
Năm 2023	7.469.041.441	Năm 2024 đến 2028	-	-	18.265.474.600
Năm 2024	6.668.234.811	Năm 2025 đến 2029	-	-	24.933.709.411

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	10.503.296.910	11.714.215.634
- Chi phí nhân công	15.140.290.758	14.904.269.096
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.109.294.685	5.125.458.253
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.734.940.337	4.671.065.443
- Chi phí bằng tiền khác	8.511.113.965	8.702.579.023
Cộng	43.998.936.655	45.117.587.449

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	-
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	9.307.415	9.307.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (**)	(1.124)	(911)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

(*) Theo quy định, việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu phải loại trừ số trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, tuy nhiên do các quỹ này thường được trích vào năm sau và tùy thuộc vào kết quả kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội cổ đông Công ty thông qua vào năm tiếp theo. Vì vậy, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu hàng năm chưa trình bày ảnh hưởng của số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Số điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	9.307.415	9.307.415
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP) (*)	9.307.415	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	(562)	(911)

(*) Căn cứ theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và công văn số 11/BC-DL gửi Tổng công ty về dự thảo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn Điều lệ.

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31.2 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 87,955 tỷ đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 95,041 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2025, Công ty phải thanh toán 32,504 tỷ đồng cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang có các biện pháp cơ cấu nợ để Công ty có thể tiếp tục hoạt động trong tương lai gần, trong đó có kế hoạch tăng vốn để bù đắp các khoản nợ phải trả và bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Công ty TNHH Một thành viên (Tổng Công ty) cũng đã có Công văn số 104/CV-HĐTV ngày 21/10/2024 gửi UBND Thành phố Hồ Chí Minh xin ý kiến thực hiện tăng vốn tại Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak. Bên cạnh đó, trong đề án cơ cấu lại của Tổng Công ty, Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak được đưa vào nhóm tăng giá trị vốn góp để giữ nguyên tỷ lệ nắm giữ của Tổng Công ty khi Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak tăng vốn. Ngày 05/02/2025, Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak đã hoàn thành báo cáo về phương án tăng vốn và gửi đến Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc tăng vốn sẽ bù đắp nguồn lực tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như đầu tư cơ sở hạ tầng tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.3 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
- Bà Đỗ Văn Anh	Cổ đông
- Bà Nguyễn Thanh Hằng	Cổ đông
- Ông Ninh Văn Hiền	Cổ đông
- Bà Phạm Thanh Hoa	Cổ đông
- Bà Hoàng Văn Thùy	Thành viên Ban kiểm soát

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV		
Giao dịch mua bán voucher	4 842 500 000	4.702.500.000
Bà Đỗ Văn Anh		
Vay và nợ thuê tài chính	1.283.124.000	2.715.469.000
Bà Phạm Thanh Hoa		
Vay và nợ thuê tài chính	995.800.000	555.258.000
Bà Ninh Văn Hiền		
Vay và nợ thuê tài chính	-	100.000.000
Bà Hoàng Văn Thùy		
Vay và nợ thuê tài chính	1.700.000.000	3.100.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ		
Lữ hành Saigontourist		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	18.018.600
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	44.057.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.3 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng	711.735.000	894.440.376
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	332.372.564
+ Ông Lê Ngọc Luân	279.555.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Sáu	288.000.000	246.739.412
+ Ông Trần Thái Hưng	144.000.000	211.220.000
+ Bà Hoàng Vân Thùy	180.000	104.108.400
- Thu nhập của Ban Kiểm Soát	123.360.000	122.800.000
+ Ông Nguyễn Quốc Tuệ	45.600.000	45.040.000
+ Bà Nguyễn Thanh Hằng	38.880.000	38.880.000
+ Ông Hoàng Vân Thùy	38.880.000	38.880.000
- Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	247.200.000	247.200.000
+ Ông Trương Đức Hùng	52.800.000	52.800.000
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	38.880.000	38.880.000
+ Ông Nguyễn Hữu Phúc	38.880.000	38.880.000
+ Ông Phạm Thành Đô	38.880.000	38.880.000
+ Ông Nguyễn Kim Châu	38.880.000	38.880.000
+ Bà Nguyễn Thị Sáu	38.880.000	38.880.000
Cộng	1.082.295.000	1.264.440.376

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Doanh thu chưa thực hiện	1.731.481.481	4.578.944.438
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	1.731.481.481	4.578.944.438
Vay ngắn hạn	22.260.578.000	19.981.654.000
Bà Đỗ Văn Anh	13.407.501.000	12.124.377.000
Bà Phạm Thanh Hoa	8.853.077.000	7.857.277.000
Phải trả khác	1.333.857.889	1.777.969.000
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	1.267.857.889	1.711.969.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	66.000.000	66.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

YAN UHY *